

Số: /BC-SNNPTNT

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1319/SKHĐT-TH ngày 25/7/2024 về việc rà soát đề xuất, kiến nghị và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện, với các nội dung sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ

1. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

a. Sản xuất trồng trọt

* Vụ Đông Xuân 2023-2024

Sản lượng lương thực đạt 266.788 tấn, đạt 53,9% kế hoạch năm, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,6%, cụ thể:

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng 38.102,4 ha, năng suất bình quân ước đạt 62,81 tạ/ha, sản lượng 239.309 tấn. So cùng kỳ năm trước, diện tích tương đương, năng suất tăng 2,6% và sản lượng tăng 2,6%. So kế hoạch năm, diện tích đạt 52%, sản lượng đạt 54,7%. Năng suất tăng nhờ thời tiết thuận lợi; có sự thống nhất trong việc chỉ đạo sản xuất từ cấp tỉnh đến huyện, cơ sở; việc bố trí khung lịch mùa vụ phù hợp, đảm bảo cơ cấu giống, sử dụng giống mới cho năng suất cao; công tác dự tính, dự báo sinh vật gây hại cây trồng và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ được thực hiện kịp thời, hiệu quả; công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được nông dân đồng tình hưởng ứng và sự tích cực của bà con nông dân trong sản xuất đã đảm bảo được năng suất, sản lượng vụ Đông Xuân đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng 4.545 ha, năng suất bình quân ước đạt 60,46 tạ/ha, sản lượng 27.478,46 tấn. So cùng kỳ năm trước, diện tích tăng 1,6%, năng suất tăng 1,1% và sản lượng tăng 2,7%. So kế hoạch năm, diện tích đạt 45,5%, sản lượng đạt 47,3%. Diện tích ngô tăng do người dân thực hiện chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng ngô. Ngoài ra, một số diện tích rau, sắn, mía không mang lại hiệu quả kinh tế cao nên cũng được người dân chuyển qua trồng ngô.

+ Ngô sinh khối, diện tích thực hiện 363,2 ha, năng suất bình quân ước đạt

457,01 tạ/ha, sản lượng ước đạt 16.598,6 tấn.

*** Vụ Hè Thu 2024**

- Diện tích gieo sạ: 34.959,3 ha, đạt 100,1% so với kế hoạch. Hiện nay, tại thị xã Đức Phổ đã thu hoạch được 955 ha, năng suất ước đạt 59 tạ/ha, sản lượng ước đạt 5.635 tấn.

- Cây Ngô lấy hạt: Diện tích thực hiện 4.358,4 ha, đạt 88,6% so với kế hoạch, cây đang trong giai đoạn phát triển thân lá - trổ cờ và phun râu.

- Cây Ngô sinh khối: Diện tích thực hiện 264,3 ha, đạt 74,9% so với kế hoạch, cây đang trong giai đoạn phát triển thân lá - trổ cờ.

- Cây mỳ niên vụ 2023-2024: Diện tích thực hiện 11.447,9 ha, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 91,3% so với kế hoạch. Cây đang trong giai đoạn phát triển củ. Diện tích cây mỳ tăng so với cùng kỳ năm 2023 là nông dân ngày càng quan tâm sử dụng giống kháng vì vậy diện tích nhiễm bệnh khảm lá sần giảm đáng kể so với năm 2023, do đó nhiều nông dân đã mở rộng diện tích trồng mỳ trở lại.

b. Tình hình sâu bệnh

*** Vụ Đông Xuân**

- Tình hình nhiễm sinh vật gây hại: Trên cây lúa: Tổng diện tích nhiễm là: 8.634,5ha, giảm so với cùng kỳ năm trước 2.741,7ha. Nguyên nhân là thời tiết thuận lợi hơn cho cây lúa sinh trưởng, phát triển, hạn chế sự phát triển của sâu bệnh, các địa phương tích cực trong công tác tổ chức phòng chống sinh vật gây hại. Trên cây rau màu các loại: Tổng diện tích nhiễm là: 1.489,5ha, tăng so với cùng kỳ năm trước 381,5ha. Nguyên nhân tăng là do một số loại sâu bệnh phát sinh tăng trên cây ớt như rệp, thán thư, bọ trĩ,... Cây công nghiệp, lâm nghiệp: Tổng diện tích nhiễm là: 10.111,5ha, giảm so với cùng kỳ năm trước 5.840,5ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh giảm so với cùng kỳ nguyên nhân là diện tích keo của năm trước bị nhiễm bệnh chết héo đã thu hoạch và được trồng mới.

- Kết quả chỉ đạo phòng trừ: Duy trì thường xuyên công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng trừ sinh vật gây hại. Trong 6 tháng đầu năm đã phòng trừ được 8.478,5ha diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên cây lúa và 1.434,0ha cây rau màu các loại.

*** Vụ Hè Thu 2024**

- Tình hình nhiễm sinh vật gây hại: Trên cây lúa: Tổng diện tích nhiễm là: 8.634,5ha, giảm so với cùng kỳ năm trước 2.741,7ha. Nguyên nhân là thời tiết thuận lợi hơn cho cây lúa sinh trưởng, phát triển, hạn chế sự phát triển của sâu bệnh, các địa phương tích cực trong công tác tổ chức phòng chống sinh vật gây hại. Trên cây rau màu các loại: Tổng diện tích nhiễm là: 1.489,5ha, tăng so với cùng kỳ năm trước 381,5ha. Nguyên nhân tăng là do một số loại sâu bệnh phát sinh tăng trên cây ớt như rệp, thán thư, bọ trĩ,... Cây công nghiệp, lâm nghiệp:

Tổng diện tích nhiễm là: 10.111,5ha, giảm so với cùng kỳ năm trước 5.840,5ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh giảm so với cùng kỳ nguyên nhân là diện tích keo của năm trước bị nhiễm bệnh chết héo đã thu hoạch và được trồng mới

- Kết quả chỉ đạo phòng trừ: Duy trì thường xuyên công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo thời gian phát sinh, phạm vi và mức độ gây hại, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng trừ sinh vật gây hại. Trong 6 tháng đầu năm đã phòng trừ được 8.478,5ha diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên cây lúa và 1.434,0ha cây rau màu các loại.

c. Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Ước thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây hằng năm khác là 167,8 ha, cụ thể: cây ngô: 38,4 ha, cây lạc: 16,3 ha, cây rau các loại: 29,9 ha, đậu các loại 1 ha, cây mì 6 ha, cỏ chăn nuôi 33,9 ha, cây khác 40,3 ha, cây lâu năm 2 ha.

d. Công tác quản lý mã số vùng trồng: Đến nay, đã cấp 13 Giấy xác nhận mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa (Trong đó: 12 MSVT đang duy trì hiệu lực, 01 MSVT bị thu hồi) và 01 mã số vùng trồng xuất khẩu (đã thu hồi theo đề nghị của chủ mã số vùng trồng).

e. Các nhiệm vụ khác

- Xây dựng cánh đồng lớn: Năm 2024, các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ước thực hiện xây dựng 330 cánh đồng lớn, với tổng diện tích khoảng 4.150,2 ha. Trong đó: xây dựng cánh đồng lớn trên cây lúa là 246 cánh đồng với diện tích thực hiện là 3.541,7 ha; trên cây lạc 52 cánh đồng lớn với diện tích 421,5 ha; trên cây dưa hấu 32 cánh đồng lớn với diện tích 187 ha.

- Xây dựng cánh đồng đạt giá trị sau thu hoạch trên 100 triệu đồng/ha/năm: Năm 2024, ước thực hiện 35 cánh đồng với diện tích 289,27 ha, doanh thu bình quân đạt trên 100 triệu đồng/ha/năm. Triển khai thực hiện 25 mô hình trình diễn, sản xuất thử trên cây lúa với tổng diện tích 118,4 ha.

- Về sản phẩm được Chứng nhận VietGAP: Cây lúa: trên địa bàn tỉnh có 82,27 ha lúa được chứng nhận VGAP, với sản lượng dự kiến 822,67 tấn/năm; cây rau: 27,4 ha diện tích rau được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 543,25 tấn/năm; cây ăn quả có 30,5 ha diện tích cây ăn quả được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 808 tấn/năm; cây công nghiệp ngắn ngày có 21,675ha diện tích cây công nghiệp ngắn ngày được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 73,8375 tấn/năm; có 02 cơ sở ứng dụng công nghệ cao trong việc sản xuất rau, củ quả (sản xuất rau thủy canh).

1.2. Chăn nuôi:

* Về chăn nuôi: Tổng đàn trâu có 66.017 con, đàn bò có 272.179 con, tỷ lệ bò lai chiếm 78,6%, đàn heo có 380.631 con (chưa tính heo con theo mẹ), đàn gia cầm 5.918,9 nghìn con (trong đó đàn gà 4.802,9 con), sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 49.720 tấn.

* Tình hình dịch bệnh: Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP): Từ đầu năm đến nay, dịch xảy ra 144 cơ sở 71 thôn, 40 xã của 10 huyện, TX, TP (Tư Nghĩa,

Ba Tơ, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Đức Phổ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Nghĩa Hành và TP Quảng Ngãi) tiêu hủy bắt buộc 1.412 con, tổng khối lượng tiêu hủy 66.320 kg. Bệnh Lở mồm long móng (LMLM): Con khỏi bệnh cuối cùng ngày 08/3/2024, đến nay các ổ dịch đã qua 21 ngày và không phát sinh ổ dịch mới. Tính từ đầu năm đến nay dịch đã xảy ra tại 28 hộ, 8 thôn, thuộc 03 xã của 02 huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh với tổng số 60 con bò mắc bệnh, làm chết và tiêu hủy 11 con/3.035 kg. Bệnh Viêm da nổi cục trâu bò (VDNC): Từ đầu năm đến ngày 08/5/2024, dịch đã xảy ra tại 104 hộ, 57 thôn của 26 xã, phường, thị trấn, thuộc 05 huyện, TX, TP (Bình Sơn, Đức Phổ, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành) với tổng số 145 con bò mắc bệnh, làm chết 59 con, tổng khối lượng tiêu hủy 5.918 kg. Các ổ dịch đã qua 21 ngày và không phát sinh ổ dịch mới. Ngày 15/7/2024 dịch bệnh viêm da nổi cục lại xảy ra tại 01 hộ, thôn Đông Giữa, Hành Tín Đông, Nghĩa Hành làm chết 01 bê 3,5 tháng tuổi, khối lượng tiêu hủy 74kg. Dịch bệnh thủy sản: Từ đầu năm đến nay, dịch bệnh thủy sản đã xảy ra trên ốc hương với 8,7 ha. (Trong tổng số 8,7 ha ao nuôi bị bệnh, đã thu hoạch 7,5 ha ao nuôi, đã điều trị 1,1 ha ao nuôi và tiêu hủy 0,15 ha ao nuôi). Bệnh Cúm gia cầm, tai xanh: Từ đầu năm đến nay không xảy ra.

* Các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật đã được thực hiện

- Công tác tiêm phòng: Hiện nay các địa phương đã kết thúc tiêm phòng đợt 01/2024 và đang tiếp tục tiêm phòng bổ sung, kết quả đến nay như sau:

+ Vắc xin Cúm gia cầm: 10 huyện, TX, TP triển khai. Riêng huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây không triển khai. (Kế hoạch năm 2024 huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây không tiêm phòng). Tổng số vắc xin tiêm được: 877.000 liều/858.500 con; Vắc xin Viêm da nổi cục: 12 huyện, TX, TP triển khai. Còn huyện Ba Tơ chưa triển khai. Tổng số vắc xin đã tiêm: 77.352 liều/77.352 con; Vắc xin LMLM gia súc: 13/13 huyện, thị xã, thành phố triển khai. Tổng số vắc xin tiêm được: 160.513 liều/160.513 con; Vắc xin Dịch tả lợn cổ điển: Ngân sách huyện và XH hóa. Tổng số vắc xin tiêm được: 48.791 liều; Vắc xin Tụ huyết trùng trâu bò: Ngân sách huyện và XH hóa. Tổng số vắc xin tiêm được: 99.865 liều; Vắc xin đại chó, mèo: 5.709 liều; Vắc xin Dịch tả lợn châu phi: Theo Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024: Ngân sách tỉnh mua 15.510 liều; Ngân sách huyện, TX, TP mua 260.000 liều. Nhưng đến nay, chỉ mới có UBND huyện Ba Tơ mua 17.500 liều và UBND huyện Mộ Đức mua 500 liều. Tổng số vắc xin DTLCP của Công ty AVAC, 2 huyện tiêm đến nay đã tiêm được: 7.370 liều/7.370 con (Ba Tơ: 6.900 liều và Mộ Đức: 470 liều), tiêm heo thịt từ 4 tuần tuổi trở lên.

* Công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường: Thực hiện Công văn số 1137/UBND-KTN ngày 06/03/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai Tháng tiêu độc, khử trùng môi trường đợt I/2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả tiêu độc khử trùng bằng hóa chất đợt 1/2024 thực hiện tiêu độc 11.654 lít hóa chất (Supercid 11.354 lít, Benkocid 200 lít, Iodine 100 lít), với

tổng diện tích được khử trùng, tiêu độc: 12.539.266 m². Kinh phí địa phương tổ chức triển khai thực hiện: 1.671.600.000 đồng.

* Công tác giám sát dịch bệnh, chẩn đoán.

- Giám sát bị động: Đối với bệnh DTLCP: Lấy 39 mẫu bị động ở lợn bị bệnh gửi xét nghiệm, kết quả 39/41 mẫu dương tính với vi rút Dịch tả lợn Châu Phi. Đối với bệnh LMLM: Lấy 3 mẫu bị động ở bò bị bệnh gửi xét nghiệm, kết quả 3/3 mẫu dương tính với vi rút gây bệnh LMLM serotype O.

- Giám sát chủ động: Lấy 18 mẫu giám sát lưu hành vi rút cúm gia cầm tại các chợ buôn bán gia cầm sống trên địa bàn tỉnh theo Công văn số 152/CNTY ngày 05/6/2024 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Kết quả 0/18 mẫu đều âm tính với vi rút cúm A subtype H5.

* Kết quả xử lý ổ dịch: Các địa phương có dịch triển khai thực hiện ngay các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch như: khoanh vùng ổ dịch, cách ly điều trị, khử trùng tiêu độc môi trường vùng dịch; thường xuyên theo dõi, giám sát và báo cáo dịch kịp. Từ đầu năm đến nay các địa phương đã thực hiện tiêu hủy 1.412 con lợn mắc bệnh DTLCP; tiêu hủy 60 con bò bị bệnh VDNC chết; 11 con bò bị LMLM chết và 0,15 ha ốc hương nuôi mắc bệnh theo quy định.

2. Lâm nghiệp

2.1. Lâm sinh:

- Tổng diện tích có rừng 332.888,51 ha, đạt 100% kế hoạch, tương đương so với cùng kỳ; Diện tích rừng trong Quy hoạch 03 loại rừng 257.424,58 ha, đạt 100% kế hoạch, tương đương so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ che phủ rừng (bao gồm cây trồng phân tán): 52,3 % đạt 100,6% so với kế hoạch, tăng 0,6% so với cùng kỳ.

* Công tác Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng

- Tổ chức Hợp dân 371 đợt với 14.681 lượt người tham gia; tuyên truyền lưu động 49 đợt, tuyên truyền trên loa đài phát thanh của xã 1.405 lượt; tuyên truyền trực tiếp với chủ rừng chủ rừng 48 đợt.

- Đã chỉ đạo tổ chức 380 đợt truy quét; 398 đợt kiểm tra; 1.664 đợt tuần tra quản lý bảo vệ rừng; phát hiện 79 vụ vi phạm; Thu nộp ngân sách 723.558.000 đồng.

* Công tác sử dụng và phát triển rừng

- Trồng rừng phòng hộ: Theo kế hoạch năm 2024 tại Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trồng rừng phòng hộ (thay thế) là 105 ha; Chi cục Kiểm lâm tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán công trình lâm sinh (*sau khi có đề nghị của BQL rừng phòng hộ tỉnh*).

- Khoanh nuôi tái sinh rừng: Tổng diện tích khoanh nuôi tái sinh chuyển tiếp là 620 ha đạt 100% so với kế hoạch.

- Về trồng rừng sản xuất: Diện tích trồng rừng ước đạt 10.821 ha/25.962 ha, đạt 41,51% so với kế hoạch, tăng 18,7% so với cùng kỳ. Loài cây trồng rừng là các loại Keo, các hộ gia đình trồng rừng phần lớn bằng vốn tự có.

- Về gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn): Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng ước đạt 1.148.207 m³/2.563.207 m³ đạt 44,8% so với kế hoạch, tăng 23,9 % so với cùng kỳ. Diện tích khai thác chủ yếu là rừng trồng của dân, tuổi keo khai thác trung bình khoảng 4-5 năm, gỗ chủ yếu cung cấp cho các cơ sở biến biến dấm trên địa bàn tỉnh.

2.2. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng

- Đến nay, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi ký lại hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR với 38 hợp đồng sử dụng DVMTR lưu vực nội tỉnh¹.

- Kết quả thu tiền DVMTR từ ngày 01/01/2024 đến nay là 11.820,7 triệu đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là tăng thêm 03 nhà máy thủy điện đi vào hoạt động.

- Kết quả chi trả tiền DVMTR: Từ 01/01/2024 đến nay đã chi 6.115,6 triệu đồng.

- Kết quả thu/chi trồng rừng thay thế: Tiền thu từ đầu năm đến nay là 0 đồng, tổng số tiền đã thu lũy kế (từ năm 2015 đến nay) là 29.919,6 triệu đồng, số tiền còn lại phải thu 1.527,9 triệu đồng. Tổng số tiền đã chi từ ngày 01/01/2024 đến nay là 685,6 triệu đồng, lũy kế từ 2015 đến nay là 19.971,9 triệu đồng.

2.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác

- Tiếp tục rà soát biến động về rừng, kiểm tra công tác theo dõi diễn biến rừng trong năm 2024.

- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh cung cấp dự báo cháy rừng hàng ngày trên địa bàn tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm kinh doanh - VNPT Quảng Ngãi để đưa tin dự báo, nhấn tin tự động cấp dự báo cháy rừng hàng ngày.

3. Thủy sản

3.1. Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trong tháng 7 ước đạt 28.714,2 tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ 2023. Sản lượng khai thác từ đầu năm đến nay ước đạt 178.813 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù giá xăng dầu không ổn định và có chiều hướng tăng nhưng thời tiết thuận lợi cho tàu thuyền công suất lớn đánh bắt dài ngày². Đối với các tàu công suất nhỏ thì ngư dân hoạt động đánh bắt thủy sản nhiều chuyến trong tháng hơn so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm cho sản lượng thủy sản tăng so với cùng kỳ năm 2023

3.2. Nuôi trồng thủy sản

¹ Gồm 11 hợp đồng thuộc cơ sở sản xuất điện, 06 hợp đồng thuộc cơ sở sản xuất nước sạch, 21 hợp đồng thuộc cơ sở sản xuất nước công nghiệp

² Biển êm là điều kiện thuận lợi cho các nghề nhất là nghề lưới rê tầng mặt, vây ánh sáng.

- Tình hình nuôi trồng thủy sản: Tổng diện tích thả nuôi tính thời điểm báo cáo ước khoảng 1.281,4 ha (*đạt 94,85% kế hoạch năm*); sản lượng ước 3.607,2 tấn (*đạt 33,05% kế hoạch năm*), cụ thể: Nuôi thủy sản nước lợ: Tổng diện tích đang thả nuôi nước lợ trên toàn tỉnh khoảng 536,4 ha, trong đó: diện tích nuôi tôm khoảng 361,1 ha (*đạt 114,63% kế hoạch năm*), diện tích nuôi ốc hương khoảng 135,9 ha và diện tích nuôi cua, cá khoảng 39,4 ha. Sản lượng ước đạt 2.985,2 tấn, trong đó: Sản lượng tôm khoảng 1.486,2 tấn (*đạt 32,29% kế hoạch năm*) và sản lượng ốc hương ước đạt khoảng 1.499 tấn; Nuôi lồng trên biển: Đến nay thể tích lồng nuôi ước đạt 156.600 m³ lồng (Lý Sơn, Đức Phổ, TP. Quảng Ngãi). Con giống hiện thả nuôi chủ yếu là cá bóp, cá chim, cá mú, cá bẹ vầu, cá cam, hàu Thái Bình Dương và một số lồng nuôi tôm hùm). Sản lượng thu hoạch ước đạt 272 tấn; Nuôi thủy sản nước ngọt: Diện tích đã thả nuôi khoảng 745 ha, trong đó: Diện tích thả nuôi hồ chứa khoảng 650 ha (chủ yếu là các huyện miền núi), diện tích thả nuôi ao hồ nhỏ khoảng 95 ha, nuôi lồng khoảng 6.500 m³ lồng. Đối tượng nuôi chủ yếu là các loại cá truyền thống mè, trôi, chép, cá lóc, thát lát, chình ... Sản lượng thu hoạch ước khoảng 350 tấn, chủ yếu từ các hồ chứa.

3.3. Tình hình dịch bệnh: Trong tháng không xảy ra dịch bệnh. Lũy kế từ đầu năm đến nay, dịch xảy ra trên ốc hương ở huyện Mộ Đức³ với 8,7 ha. (Trong tổng số 8,7 ha ao nuôi bị bệnh, đã thu hoạch 7,5 ha ao nuôi, đã điều trị 1,1 ha ao nuôi và tiêu hủy 0,15 ha ao nuôi).

3.4. Công tác quản lý tàu cá và cảng cá

- Đến nay, tổng số tàu cá là 4.243 chiếc⁴ với tổng công suất 1.794.662 CV. Kiểm tra an toàn kỹ thuật 199 tàu cá; thẩm định 15 bộ hồ sơ thiết kế cải hoán tàu cá.

- Thực hiện chuyển 05 hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản (GPKTTS) vùng khơi đến các tỉnh và tiếp nhận 02 hạn ngạch GPKTTS vùng khơi. Tính từ đầu năm đến nay, chuyển 27 hạn ngạch GPKTTS vùng khơi đến các tỉnh⁵; tiếp nhận 17 hạn ngạch GPKTTS vùng khơi⁶.

- Thực hiện cấp 519 Giấy phép khai thác thủy sản. Tính từ đầu năm đến nay, thực hiện cấp 663 Giấy phép khai thác thủy sản. Tổng số tàu cá đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản 663/4.243 chiếc⁷.

- Cấp 09 giấy Chứng nhận thủy sản khai thác tương ứng 127,7 tấn sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp.

³ 3 xã Đức Minh, Đức Phong và Đức Thắng

⁴ Trong đó tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét: 341 chiếc, từ 12 mét đến dưới 15 mét: 820 chiếc, từ 15 mét đến dưới 24 mét: 2.919 chiếc, từ 24 mét trở lên: 163 chiếc.

⁵ Bình Định 06, TP Đà Nẵng 08, Quảng Nam 01, Huế 03, Bình Thuận 02, Nam Định 02, Khánh Hòa 02, Ninh Thuận 03.

⁶ Đà Nẵng 01, Bình Định 03, Nghệ An 01, Khánh Hòa 06, Bà Rịa Vũng Tàu 04, Quảng Nam 02.

⁷ Trong đó: Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét 48 chiếc/1.161 chiếc, từ 15 mét trở lên 615 chiếc/3.082 chiếc.

Thông báo, hướng dẫn chủ tàu lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá theo quy định. Đến nay, toàn tỉnh có 2.949/3.084 tàu cá có chiều dài 15m trở lên bắt buộc phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tỷ lệ đạt 99,43% (đã trừ 118 tàu nằm bờ, chìm, giải bản). Hiện còn 17 tàu cá hoạt động trong tỉnh và ngoài tỉnh, chủ yếu tàu cá có công suất nhỏ, làm nghề khai thác cá nổi nhỏ, hoạt động gần bờ, đi về ở các bãi ngang ven biển và tàu hoạt động ngoài tỉnh nhiều năm không về địa phương.

- Thường xuyên theo dõi hệ thống giám sát tàu cá, gửi thông báo tàu cá vượt qua ranh giới cho phép và tàu cá mất kết nối trên 10 ngày trên biển đến các địa phương, Trạm Kiểm soát biên phòng và Ban Quản lý các cảng cá để phối hợp xử lý khi tàu cập cảng.

3.5. Công tác triển khai Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg

- Từ đầu năm đến nay, đã tiếp nhận 5.000 hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí nhiên liệu, hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và thuyền viên. Tiếp tục tổ chức kiểm tra thực tế tàu cá có tham gia khai thác thủy sản trên các vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại các Cảng cá, Trạm kiểm soát.

- Tổng hợp, tham mưu họp Hội đồng thẩm định xét duyệt hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ đợt 1/2024.

- Tổng hợp hồ sơ đợt 2/2024 và tham mưu Hội đồng thẩm định gửi Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh kiểm tra xác minh.

- Thường xuyên trực Trạm bờ để kịp thời xử lý khắc phục khi có sự cố mất kết nối nhằm đảm bảo kết nối số liệu báo cáo vị trí tàu cá ở các vùng biển xa.

3.6. Công tác tham mưu thực hiện chính sách phát triển thủy sản.

Phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi tình hình hoạt động khai thác, tham gia kê biên, bàn giao tàu cá đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP hoạt động khai thác không hiệu quả. Đến nay, các Ngân hàng cho vay đã khởi kiện khách hàng phát sinh nợ xấu ra Tòa án để giải quyết xử lý bán tài sản bảo đảm (bán 07 tàu vỏ thép, 08 tàu vỏ gỗ) để thu hồi nợ. Hiện nay còn 46 tàu cá nợ vay Ngân hàng.

3.7. Công tác kiểm ngư, pháp chế, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU

- Tuyên truyền miệng, phát tờ rơi, tài liệu liên quan đến Luật Thủy sản và chống khai thác IUU cho các ngư dân thông qua gặp gỡ trực tiếp và công tác kiểm tra tàu cá tại cảng cho 100 ngư dân.

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuộc lĩnh vực thủy sản năm 2024. Kiểm tra thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Trong đó, mời và làm việc đối với các chủ tàu/thuyền trưởng tàu cá bị mất kết nối tín hiệu hơn 10 ngày trên biển qua Hệ thống giám sát tàu cá; phối hợp với lực lượng Biên phòng kiểm tra, xử lý tàu cá vi phạm.

- Ban hành các kế hoạch về theo dõi thi hành pháp luật; phòng chống tham nhũng; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật..., đảm bảo cho công tác pháp chế được thực hiện hiệu quả, đồng bộ.

- Tham mưu, triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh. Trình UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp lần thứ 08 Ban Chỉ đạo Quốc gia về chống khai thác IUU.

4. Công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và muối

- Thống kê, lập danh sách, thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản 18 cơ sở.

- Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thực phẩm: 23 cơ sở, trong đó thẩm định để xếp loại 07 cơ sở, kết quả 07 cơ sở xếp loại B; thẩm định đánh giá định kỳ 11 cơ sở, kết quả 11 cơ sở xếp loại B.

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho 07 cơ sở đủ điều kiện theo quy định. Lũy kế số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đã được thống kê, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm tính đến thời điểm báo cáo: 225 cơ sở.

- Giám sát ATTP nông, lâm, thủy, sản: 35 mẫu thực phẩm, kết quả 35/35 mẫu đáp ứng quy định về ATTP. Giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật thủy sản nuôi: 08 mẫu, kết quả 08/08 mẫu đạt yêu cầu

- Thực hiện tiếp nhận 57 bộ hồ sơ tự công bố sản phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

5. Công tác quản lý diêm nghiệp

Diện tích sản xuất muối là 102,4 ha. Lượng muối diêm dân sản xuất trong tháng đạt khoảng 1.500 tấn; Lũy kế đến thời điểm báo cáo: 2.830 tấn. Lượng muối tồn là 1.346 tấn. Giá muối trong tháng giao động từ 900 đến 1.100 đồng/kg

6. Thủy lợi đê điều và nước sạch nông thôn

6.1. Công tác quản lý đê điều, chống sạt lở bờ sông, bờ biển

- Tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, ban hành văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc tiếp tục tập trung triển khai thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.

- Tham mưu ban hành Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều thuộc hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6.2. Công tác phòng, chống thiên tai

- Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các nội dung: Chỉ thị chủ động ứng

phó các tình huống thiên tai trong mùa mưa, bão năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành phòng chống thiên tai trong thời gian kiện toàn cơ quan chỉ đạo chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp.

- Tham mưu dự thảo Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi gửi lấy ý kiến góp ý để trình UBND tỉnh ban hành.

- Tổ chức tập huấn trực tuyến hướng dẫn sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai cho cấp huyện, xã; tham gia tập huấn về tăng cường năng lực phòng chống thiên tai cấp huyện, xã.

7. Phát triển nông thôn

7.1. Kinh tế hợp tác

- Về số lượng hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN): Đến thời điểm 31/7/2024 trên địa bàn tỉnh có 244 HTXNN. Trong đó: 05 HTX trồng trọt, 02 HTX chăn nuôi, 02 HTX lâm nghiệp, 11 HTX thủy sản (04 HTX nuôi trồng, 07 HTX khai thác), 02 HTX diêm nghiệp và 222 HTX tổng hợp; có 229 HTXNN đang hoạt động và 15 HTXNN ngừng hoạt động.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tham mưu Sở trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hợp tác xã tham gia xây dựng mô hình hợp tác xã nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả, phù hợp với vùng, miền, địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Tờ trình số 3379/TTr-SNNPTNT ngày 30/7/2024).

- Triển khai thực hiện nguồn kinh phí được phân bổ tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí Trung ương có mục tiêu cho ngân sách tỉnh năm 2023 để thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 với kinh phí 250 triệu đồng: Đã tổ chức 2 lớp tập huấn về nghiệp vụ kế toán, thuế, báo cáo tài chính cho kế toán các HTX trên địa bàn huyện Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, Tư Nghĩa với 37 kế toán tham dự và tổ chức đi thực tế học tập, chia sẻ kinh nghiệm tại tỉnh Thừa Thiên Huế và Gia Lai, với kinh phí đã thực hiện 206, 446 triệu đồng.

- Tham mưu một số nội dung liên quan về nguồn kinh phí 1.150 triệu đồng được phân bổ tại Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Tư vấn, hướng dẫn thành lập Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hữu cơ An Tân tại xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa.

- Về tổ hợp tác nông nghiệp: Toàn tỉnh có 18 tổ hợp tác (THT) nông nghiệp, trong đó có: 04 THT trồng trọt, 07 THT chăn nuôi, 05 THT thủy sản, 02

THT điều tiết nước, dùng nước (ở các huyện: Đức Phổ: 01 THT, Mộ Đức: 3 THT, Nghĩa Hành: 01 THT, thành phố Quảng Ngãi: 01 THT, Sơn Tịnh: 01 THT, Huyện Bình Sơn: 01 THT, Ba Tơ: Có 02 THT, Trà Bồng: 01 THT, Minh Long: 01 THT, Lý Sơn: 2 THT).

7.2. Kinh tế trang trại: Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 122 trang trại đạt theo quy định của Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó, có 100 trang trại chăn nuôi chiếm 81,97%, 01 trang trại trồng trọt chiếm 1,79%, 02 trang trại lâm nghiệp chiếm 1,79%, 19 trang trại tổng hợp chiếm 16,96%. Tổng diện tích đất của các trang trại là 384,51 ha, giá trị vốn đầu tư và vốn sản xuất kinh doanh bình quân một trang trại là 18.786,26 triệu đồng, tổng số lao động thường xuyên của các trang trại là 501 người, tổng giá trị sản xuất của các trang trại là 677.992 triệu đồng, trang trại đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời là 16 trang trại, trang trại có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là 13 trang trại.

7.3. Ngành nghề nông thôn

- Về ngành nghề nông thôn, toàn tỉnh có 5.571 cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động có hiệu quả với 7 nhóm ngành nghề theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP. Trong đó: 107 doanh nghiệp, 33 hợp tác xã, 7 tổ hợp tác và 5.424 hộ gia đình với doanh thu hơn 964 tỷ đồng/năm, giải quyết việc làm cho hơn 9.500 lao động, thu nhập bình quân 4,1 triệu đồng/người/tháng.

- Về làng nghề, làng nghề truyền thống có 01 làng nghề, 05 làng nghề truyền thống và 07 nghề truyền thống UBND tỉnh Quảng Ngãi đã công nhận có 496 cơ sở hoạt động, giải quyết việc làm cho hơn 1.100 lao động, doanh thu ước đạt gần 43 tỷ đồng/ năm, thu nhập bình quân 4,4 triệu đồng/người/tháng. Tuy nhiên các làng nghề, làng nghề truyền thống đã không còn đảm bảo tiêu chí theo quy định mới như làng nghề chế biến hải sản Thạch Bi, làng nghề truyền thống mắm Đức Lợi..;

- Tham mưu triển khai nguồn kinh phí 1.300 triệu đồng được phân bổ tại Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thực hiện 04 dự án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, trong đó:

+ Thực hiện Dự án ứng dụng hệ thống năng lượng mặt trời kết hợp gia nhiệt bổ sung vào náo đảo tự động trong chế biến nước mắm đã được phê duyệt năm 2023 với kinh phí 335 triệu đồng: đã nghiệm thu bàn giao cho Công ty Công ty TNHH MTV SX - TM và Dịch vụ Mười Quý quản lý và sử dụng, đang hoàn chỉnh hồ sơ để thanh toán theo quy định.

+ Khảo sát, lựa chọn cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng dẫn cho cơ sở xây dựng 3 Dự án với tổng kinh phí 965 triệu đồng: Dự án ép dầu phụng xã Đức Thạnh, Dự án hỗ trợ thiết bị sấy bánh tráng xã Tịnh Ấn Tây, Dự án chế biến các sản phẩm từ thịt tại xã Tịnh Hà:

7.4. Cơ giới hoá trong nông nghiệp

- Toàn tỉnh có 3.953 máy làm đất, 11.720 máy phun thuốc BVTV, 969 máy gặt đập liên hợp phục vụ trong sản xuất trồng trọt.

- Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu sản xuất: làm đất lúa 90%, phun thuốc BVTV bằng máy bơm có động cơ 65%, thu hoạch bằng máy GDLH 80%. Máy làm đất, máy gặt đập liên hợp đảm bảo phục vụ sản xuất các khâu làm đất, thu hoạch lúa kịp thời vụ.

8. Công tác xây dựng nông thôn mới

Đến nay toàn tỉnh có 96/148 xã (tỷ lệ 64,86%) được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM; có 6 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; huyện Nghĩa Hành và huyện Tư Nghĩa được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM (giai đoạn 2016-2020). Có 200 sản phẩm đạt OCOP còn thời hạn, trong đó có 17 sản phẩm OCOP 4 sao và 183 sản phẩm 3 sao; 13/13 huyện, thị xã, thành phố đều có sản phẩm OCOP.

- Tham mưu trình UBND tỉnh tổ chức họp Hội đồng thẩm định, bỏ phiếu, đề nghị xét công nhận xã Bình Châu, Bình An (huyện Bình Sơn) đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 và xã Tịnh Khê (thành phố Quảng Ngãi) đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2023 theo quy định. Ký kết giao ước thi đua giữa các địa phương trong tỉnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định xã Đức Thạnh (huyện Mộ Đức), xã Tịnh Kỳ (thành phố Quảng Ngãi) đạt chuẩn NTM nâng cao và xã Sơn Linh (huyện Sơn Hà) đạt chuẩn NTM.

- Phối hợp Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức Liên hoan “Mỗi sản phẩm OCOP là một câu chuyện kể” và không gian du lịch cộng đồng, nông nghiệp, nông thôn năm 2024. Đi kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất kinh doanh có sản phẩm đạt OCOP năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức hội nghị tập huấn các chuyên đề cho chủ thể, cán bộ triển khai Chương trình Du lịch nông thôn. Tổ chức hội nghị tập huấn triển khai Chương trình du lịch nông thôn năm 2024.

9. Công tác cải cách hành chính và một số nhiệm vụ trọng tâm khác

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi thực hiện chuyên mục “*Nông nghiệp và Nông thôn*” phát trên sóng phát thanh truyền hình số tháng 7/2024.

- Tiếp tục áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; rà soát, đánh giá TTHC; truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024; kiểm tra cải cách hành chính năm 2024; thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Đến nay, đã thực hiện tiếp nhận 9.022 hồ sơ, trong đó: tiếp nhận trực tiếp và dịch vụ bưu chính: 2.376 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến: 6.545 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua 101 hồ sơ. Đã giải quyết 8.656 hồ sơ (giải quyết trước hạn, chiếm tỷ

lệ 100%, không có hồ sơ quá hạn), đang giải quyết (chưa đến hạn) 358 hồ sơ. Công dân rút: 08 hồ sơ.

10. Tình hình giải ngân các nguồn vốn

10.1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được UBND tỉnh giao vốn thực hiện đầu tư là 125.558 triệu đồng⁸, trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 109.436 triệu đồng⁹; vốn ngân sách Trung ương: 16.122 triệu đồng¹⁰.

Kết quả thực hiện giải ngân

- Đến 31/7/2024, giải ngân được 16.641 triệu đồng, đạt 13,3% kế hoạch, trong đó: Vốn ngân sách địa phương 10.156 triệu đồng, đạt 9,3% kế hoạch; vốn ngân sách Trung ương 6.485 triệu đồng, đạt 40,2% kế hoạch (Trong tháng 7/2024, riêng các dự án trong KH 33/KH-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh giải ngân không đạt theo kế hoạch).

- Dự kiến đến 31/8/2024 giải ngân được 24.232 triệu đồng, đạt 19,3% kế hoạch vốn, trong đó: Vốn ngân sách địa phương 14.747 triệu đồng, đạt 13,5% kế hoạch; vốn ngân sách Trung ương 8.322 triệu đồng, đạt 51,6% kế hoạch.

10.2. Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tổng kinh phí được phân bổ 7.338,06 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 31/7/2024 là 296,93 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (nguồn sự nghiệp): Tổng kinh phí được phân bổ: 899,36 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 31/7/2024 là 35,5 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổng kinh phí được phân bổ: 18.305 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến 31/7/2024: Đang lập hồ sơ, thủ tục để triển khai thực hiện.

II. Nhiệm vụ công tác trong thời gian tới

1. Nông nghiệp

- Tiếp tục phối hợp với các địa phương và các cơ quan có liên quan chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu 2024. Tiếp tục chỉ đạo công tác phòng chống bệnh virus khảm lá sắn.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao theo thẩm quyền.

- Tiếp tục tham mưu về công tác quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu.

⁸ vốn giao năm 2024 là 95.150 triệu đồng, vốn kéo dài năm 2023 sang: 30.408 triệu đồng

⁹ gồm vốn giao trong năm: 95.150 triệu đồng, vốn kéo dài: 14.286 triệu đồng

¹⁰ vốn kéo dài: 16.122 triệu đồng

- Theo dõi tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm phát hiện kịp thời, nhanh chóng dập tắt dịch không để lây lan diện rộng; thực hiện phương châm “*Chủ động phòng tránh, kiên quyết chống dịch*”. Hướng dẫn vệ sinh khử trùng tiêu độc các ổ dịch cũ.

2. Lâm nghiệp

- Tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý bảo vệ, phát triển rừng, PCCCR và quản lý lâm sản; thường xuyên tuần tra, truy quét các tuyến đường bộ, vùng giáp ranh, các khu rừng tự nhiên có nguy cơ bị xâm hại cao nhằm giảm thiểu thiệt hại do phá rừng gây ra. Theo dõi cung cấp thông tin dự báo cấp cháy rừng và tổ chức thông báo cấp cháy rừng hàng ngày trên sóng phát thanh truyền hình tỉnh.

- Kiểm tra công tác chuẩn bị, chỉ đạo công tác trồng rừng.

- Kiểm tra công tác PCCCR, tổ chức diễn tập công tác PCCCR; đôn đốc việc tổ chức thực hiện theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh năm 2024.

3. Thủy sản

- Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện dự án “Sinh kế bền vững cho cộng đồng ven biển Bình Sơn thông qua trao quyền cho cộng đồng bảo tồn các hệ sinh thái và văn hóa tri thức bản địa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

- Tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

4. Thủy lợi

- Góp ý dự án đầu tư, thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư các dự án có liên quan đến thủy lợi, nước sạch nông thôn.

- Triển khai thực hiện nội dung Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2024.

- Theo dõi, đôn đốc các địa phương, đơn vị và tham mưu thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 166/UBND-KTN ngày 09/01/2024 về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Trình xin chủ trương cấm mốc hành lang bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh.

- Trình ban hành Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống Cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi.

5. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Tham mưu trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 và Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Hoàn thiện hồ sơ thủ tục đấu thầu dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng tại xã Trà Thanh, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Triển khai thực hiện các nội dung liên quan về nguồn vốn hỗ trợ phát triển HTX năm 2024 theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổ chức thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định xã Tịnh Kỳ (thành phố Quảng Ngãi) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xã Sơn Linh (huyện Sơn Hà) đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

- Triển khai, tổ chức làm việc với các địa phương về việc rà soát, đánh giá duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn đối với các xã chưa đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

6. Công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và phát triển thị trường nông sản

- Triển khai thực hiện việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tham mưu triển khai thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 170/KH-UBND ngày 02/11/2022 về triển khai thực hiện “Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2022 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 61/KH-UBND ngày 04/4/2022 về việc thực hiện Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 62/KH-UBND ngày 08/4/2022 về triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến rau quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2022 - 2030; số 196/KH-UBND ngày 19/12/2022 về thực hiện Chiến lược phát triển chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

- Tham mưu triển khai Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ

muối trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030.

- Tham mưu triển khai Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCL_(nchthuan).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Bình